TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN DƯƠNG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **86** /2019/HS-ST
Ngày 10/9/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH TUYÊN QUANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Vượng và ông Nguyễn Sơn Hải

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Hoàng Kỳ Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Tất Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 79/2019/TLST-HS ngày 26/7/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2019/QĐXXST-HS ngày 22/8/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2019/QĐST-HS ngày 05/9/2019 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Xuân B,** sinh ngày 10/10/1970 tại huyện S, Tuyên Quang.

Nơi cư trú: Tổ dân phố TP, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; bố đẻ: Nguyễn Tiến V (đã chết); mẹ đẻ: Lương Thị Đ, sinh năm 1933; vợ: Nguyễn Thị P, sinh năm 1972 (đã ly hôn); con: Có 02 con, con lớn sinh năm 1991, con nhỏ sinh năm 1998; tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân:

+ Bản án hình sự sơ thẩm số 30/2003/HSST ngày 10/8/2003 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương xử phạt Nguyễn Xuân B 45 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

+ Bản án hình sự sơ thẩm số 76/2008/HSST ngày 15/7/2008 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương xử phạt Nguyễn Xuân B 02 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

+ Bản án hình sự sơ thẩm số 123/2008/HSST ngày 14/10/2008 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương xử phạt Nguyễn Xuân B 07 năm 06 tháng tù về tội

Mua bán trái phép chất ma túy, tổng hợp với 02 năm tù của bản án số 76/2008/HSST ngày 15/7/2008 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương buộc Nguyễn Xuân B phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 09 năm 06 tháng tù. Bị can đã chấp hành xong toàn bộ 02 bản án ngày 05/4/2015.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24/6/2019 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang. Có mặt

2. **Nguyễn Xuân Q,** sinh ngày 15/01/1974 tại huyện S, Tuyên Quang.

Nơi cư trú: Tổ dân phố TP, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; bố đẻ: Nguyễn Đình T (đã chết); mẹ đẻ: Nguyễn Thị Q (đã chết); vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân:

+ Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2002/HSST ngày 30/01/2002 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương xử phạt Nguyễn Xuân Q 15 tháng tù về hai tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và Trộm cắp tài sản.

+ Bản án hình sự sơ thẩm số 145/2008/HSST ngày 26/11/2008 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương xử phạt Nguyễn Xuân Q 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (Tài sản trộm cắp trị giá 1.080.000 đồng).

+ Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2010/HSST ngày 13/4/2010 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương xử phạt Nguyễn Xuân Q 02 năm 06 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy.

+ Bản án hình sự sơ thẩm số 99/2015/HSST ngày 29/9/2015 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương xử phạt Nguyễn Xuân Q 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, án phí 200.000 đồng (Tài sản trộm cắp trị giá 3.440.550 đồng) tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 07/7/2015), ngày 01/12/2015 Q thi hành xong phần dân sự.

+ Tại Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn số 163/QĐ-UBND ngày 21/6/2019 của Ủy ban nhân dân thị trấn S, áp dụng biện pháp giáo dục tại thị trấn đối với Nguyễn Xuân Q trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày 21/6/2019 đến ngày 21/9/2019 về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24/6/2019 đến ngày 23/8/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cứ trú. Vắng mặt.

3. Nguyễn Quốc H (tên gọi khác: Nguyễn Văn H) sinh ngày 22/01/1972 tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang;

Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Bố đẻ: Nguyễn Quang T (đã chết); Mẹ đẻ: Nguyễn Thị L, sinh

năm 1944; vợ: Nguyễn Thị L, sinh năm 1979, con: Có 01 con sinh năm 1998; tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân:

+ Bản án hình sự sơ thẩm số 106/2004/HSST ngày 24/9/2004 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xử phạt Nguyễn Quốc H 09 tháng tù về tội Tàng trữ, lưu hành tiền giả, 50.000 đồng tiền án phí HSST. Ngày 27/7/2006 Nguyễn Quốc H thi hành xong toàn bộ bản án.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24/6/2019 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang. Có mặt

- Bị hại:

1. Ông Trần Văn P, sinh năm 1969. Trú tại: Thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

2. Anh Trần Văn T, sinh năm 1977. Trú tại: Thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Tô Thị K, sinh năm 1975

Nơi ĐKHKTT: Thôn Y, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

Tạm trú: Tổ dân phố TP, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 28/4/2019, Nguyễn Xuân B điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HONDA Blaze (không xác định được biển kiểm soát) của gia đình mình chở Nguyễn Xuân Q từ nhà B đến nhà Nguyễn Quốc H để cùng nhau mua Heroin về sử dụng, khi đến nơi H và Q cùng góp mỗi người 100.000 đồng được 200.000 đồng, sau đó Q một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HONDA Blaze trên đi đến khu vực ĐK thuộc xã H, huyện S gặp và mua của một người đàn ông không rõ tên, tuổi, địa chỉ 200.000 đồng được 01 gói Heroin rồi đi về nhà H. Khi về đến nơi Q, B, H cùng nhau ra ngôi nhà bỏ hoang gần khu vực trang trại nhà ông Trần Văn T (trú cùng thôn với H) sử dụng hết số Heroin vừa mua được. Khi Q, B, H đi về thì nhìn thấy 02 cánh cửa sắt bằng kim loại, khung cửa làm bằng ống kim loại rỗng, bên trong khung hàn lưới kim loại B40, kích thước cửa (1,5 x 1,6)m ở vườn nhà ông T và hàng rào lưới B40 có chiều cao 1,8m của gia đình ông Trần Văn P (trú cùng thôn với H) không có ai trông coi nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản trên bán lấy tiền chi tiêu cá nhân, Q, B, H cùng nhau nhấc 02 cánh cửa sắt ra khỏi trụ cổng rồi H vác 01 cánh cửa sắt, B và Q cùng nhau vác 01 cánh cửa sắt đi cất

giấu ở lề đường ĐT 186, lúc này B lấy ở cốp xe mô tô 02 chiếc kìm cắt sắt đưa cho H 01 chiếc, rồi cùng H và Q quay lại bờ rào trang trại nhà ông P, tại đây H và B dùng kìm cắt sắt cắt được 133 Kg hàng rào lưới B40 của nhà ông P, Q quấn lưới B40 thành 05 cuộn rồi cùng nhau vận chuyển tài sản trộm cắp về cất giấu ở nhà B. Sau khi cất giấu tài sản trộm cắp xong, Q và H đi về nhà Q ngủ.

Khoảng 07 giờ ngày 29/4/2019, Q và H đi sang nhà B, lúc này B và H mang 02 cuộn lưới B40 nặng 32Kg trộm cắp được đi bán cho bà Tô Thị K được 190.000 đồng. Sau đó Q mang số tiền 190.000 đồng đi mua Heroin để cùng nhau sử dụng.

Khoảng 09 giờ cùng ngày, B và H tiếp tục mang 03 cuộn lưới B40 với trọng lượng 90 Kg bán cho Tô Thị K được 540.000 đồng. Sau đó Q mang số tiền 540.000 đồng đi mua Heroin để cùng nhau sử dụng.

Khoảng 16 giờ cùng ngày, B và H mang 02 cánh cửa sắt bán cho Tô Thị K được số tiền 140.000 đồng. Sau đó Q mang số tiền 140.000 đồng đi mua Heroin để cùng nhau sử dụng.

Tất cả ba lần mua bà Tô Thị K đều không biết đó là tài sản do B, H, Q trộm cắp mà có.

Tại các Kết luận định giá tái sản số 31, 32 ngày 15/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Sơn Dương. Kết luận: 76 Kg lưới B40 có chiều cao 1,8m mua mới tháng 8/2018 tại thời điểm trộm cắp trị giá 1.195.100 đồng, 57 Kg lưới B40 có chiều cao 1,8m mua mới tháng 4/2019 tại thời điểm trộm cắp trị giá 925.527 đồng, tổng trị giá 2.147.270 đồng; 02 cửa sắt bằng kim loại, khung cửa làm bằng ống kim loại rỗng, bên trong khung hàn lưới kim loại B40, kích thước cửa (1,5 x 1,6)m mua mới tháng 6/2015 tại thời điểm trộm cắp trị giá 876.000 đồng. Tổng giá trị tài sản các bị cáo trộm cắp là 3.023.270 đồng *(Ba triệu không trăm hai mươi ba nghìn hai trăm bẩy mươi đồng)*.

Các bị hại ông Trần Văn T và ông Trần Văn P đã nhận lại được tài sản nên không yêu cầu bồi thường gì.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Tô Thị K yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền 870.000 đồng bà K mua của B lưới B40 và cánh cửa sắt.

Từ nội dung trên, Cáo trạng số 80/CT-VKSND ngày 23/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương đã truy tố các bị cáo Nguyễn Xuân B, Nguyễn Xuân Q, Nguyễn Quốc H về tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị : Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Xuân B, Nguyễn Xuân Q, Nguyễn Quốc H phạm tội Trộm cắp tài sản. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự; Điều 290 của Bộ luật Tố tụng hình sự, xử phạt:

1. Bị cáo Nguyễn Xuân B từ 09 (chín) tháng đến 12(mười hai) tháng tù.Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 24/6/2019.

2. Bị cáo Nguyễn Xuân Q từ 09(chín) tháng đến 12(mười hai) tháng tù. Được trừ đi thời gian tạm giam từ 24/6/2019 đến ngày 23/8/2019.

3. Bị cáo Nguyễn Văn Hậu từ 09(chín) tháng đến 12(mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 24/6/2019.

Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo, buộc các bị cáo phải chịu án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo tiếp tục khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, nội dung khai báo của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, không có tình tiết mới. Các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản, các bị cáo nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, không có ý kiến tranh luận và cũng không có ý kiến gì để bào chữa cho hành vi phạm tội của mình.

Kết thúc phần tranh tụng, các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo đều nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, tỏ thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Xuân B, Nguyễn Quốc H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo Nguyễn Xuân Q vắng mặt tại phiên tòa nhưng lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra phù hợp với lời khai của các bị cáo Nguyễn Xuân B, Nguyễn Quốc H và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi phạm tội của các bị cáo còn được chứng minh bằng: Kết luận định giá tài sản, biên bản sự việc, biên bản xác minh hiện trường, vật chứng đã thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 20 giờ ngày 28/4/2019 tại khu vực trang trại nhà ông Trần Văn T và trang trại nhà ông Trần Văn P thuộc

thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, Nguyễn Xuân B, Nguyễn Xuân Q và Nguyễn Quốc H đã có hành vi trộm cắp 02 cánh cửa sắt bằng kim loại, khung cửa làm bằng ống kim loại rỗng, bên trong khung hàn lưới kim loại B40, kích thước cửa (1,5 x 1,6)m trị giá 876.000 đồng của ông Trần Văn T và 133 Kg lưới kim loại B40 trị giá 2.147.270 đồng của ông Trần Văn P.

Tổng giá trị tài sản các bị cáo trộm cắp là 3.023.270 đồng *(Ba triệu không trăm hai mươi ba nghìn hai trăm bẩy mươi đồng).*

[2] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

+ Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

+ Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự

[3] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử:

Qua xem xét, nghiên cứu hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định: Quá trình điều tra và truy tố, xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và các văn bản pháp luật có liên quan. Khởi tố, điều tra, thu thập chứng cứ, truy tố đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp.

[4] Về mức án Viện kiểm sát đề nghị:

Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm vào quyền sở hữu đối với tài sản của người khác, đó là hành vi nguy hiểm cho xã hội và gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Các bị cáo thực hiện hành vi dưới hình thức lỗi cố ý trực tiếp, lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác với mục đích vụ lợi. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật và nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội. Các bị cáo đều có nhân thân xấu đã nhiều lần bị Tòa án xét xử. Do vậy, cần buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn nhất định nhằm giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Trong vụ án này các bị cáo tham gia với vai trò đồng phạm giản đơn. Tuy nhiên, bị cáo B có vai trò tích cực nhất, bị cáo là người thực hành tích cực và có công cụ phương tiện để thực hiện việc trộm cắp, sau khi trộm cắp xong bị cáo là người trực tiếp tìm người để bán và giao dịch 03 lần để tiêu thụ tài sản trộm cắp. Bị cáo H là người có vai trò đứng sau bị cáo B, bị cáo là người thực hành tích cực và cùng B đi tiêu thụ tài sản, trong đó bị cáo được trực tiếp nhận tiền từ bà K 02 lần. Bị cáo Q là người trực tiếp và giúp sức cho bị cáo B, H cùng tham gia trộm cắp.

Xét các bị cáo không có tài sản riêng có giá trị, là lao động tự do không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa các bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, các bị cáo có nghĩa vụ phải bồi thường cho bà Tô Thị K tổng số tiền 870.000 đ (*Tám trăm bảy mươi nghìn đồng*). Trong đó bị cáo Nguyễn Xuân B phải trả số tiền 290.000đ (*Hai trăm chín mươi nghìn đồng*); bị cáo Nguyễn Xuân Q phải trả số tiền 290.000đ (*Hai trăm chín mươi nghìn đồng*); bị cáo Nguyễn Quốc H phải trả số tiền 290.000đ (*Hai trăm chín mươi nghìn đồng*)

[6] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự có giá ngạch. Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

[7] Các vấn đề khác:

Đối với bà Tô Thị K khi mua tài sản của các bị cáo không biết đó là tài sản trộm cắp mà có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với việc các bị cáo khai nhận có sử dụng Hêrôin vào các ngày 28, 29/4/2019, do không xét nghiệm tìm chất ma túy trong cơ thể của các bị cáo vào thời điểm đó nên không có căn cứ để xử lý hành chính. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* *Căn cứ vào*: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự; Điều 290 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

* *Tuyên bố*: Bị cáo Nguyễn Xuân B, Nguyễn Xuân Q, Nguyễn Quốc H phạm tội Trộm cắp tài sản.

**Xử phạt*:

1. Bị cáo Nguyễn Xuân B **08** *(tám)* tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 24/6/2019.

2. Bị cáo Nguyễn Văn Hậu **07** *(bảy)* tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 24/6/2019.

3. Bị cáo Nguyễn Xuân Q **06** *(sáu)* tháng tù, được trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 24/6/2019 đến ngày 23/8/2019. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

* *Về trách nhiệm dân sự*: Áp dụng các Điều 584, 585, 586, 589, 468 của Bộ luật dân sự: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa các bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Tô Thị K, các bị cáo có nghĩa vụ phải bồi thường cho bà Tô Thị K tổng số tiền 870.000 (*Tám trăm bảy mươi nghìn đồng*). Trong đó bị cáo Nguyễn Xuân B phải trả số tiền 290.000đ (*Hai trăm chín mươi nghìn đồng*); bị cáo Nguyễn Xuân Q phải trả số tiền 290.000đ (*Hai trăm chín mươi nghìn đồng*);

bị cáo Nguyễn Quốc H phải trả số tiền 290.000đ (*Hai trăm chín mươi nghìn đồng*);

Khoản tiền phải trả kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu các bị cáo chậm trả thì hàng tháng phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự

***** *Về án phí :* Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội:

Bị cáo Nguyễn Xuân B, Nguyễn Xuân Q, Nguyễn Quốc H mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự có giá ngạch.

* *Về quyền kháng cáo:* Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Các bị cáo Nguyễn Xuân B, Nguyễn Quốc H, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 *(Mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án; Bị cáo Nguyễn Xuân Q được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 *(Mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7[a] và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- Công an huyện Sơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;;
- UBND thị trấn S; UBND xã T;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(đã ký)

Phạm Thị Quỳnh